

Bản án số: 03/2025/DSST

Ngày 21 tháng 07 năm 2025

(V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6- Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/07/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TB-TA ngày 07/5/2025 về việc tranh chấp “Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXX-ST ngày 16/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-HPT ngày 04/7/2025, giữa:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: xóm M, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (có mặt).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh G, sinh năm 1966.

Địa chỉ : xóm P, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+/Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 (Vợ ông Nguyễn Cảnh H);

Địa chỉ: xóm M, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Có mặt);

+/Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm P, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An +/Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964.

Địa chỉ : xóm V, xã V, tỉnh Nghệ An (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968.

Địa chỉ : xóm M, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+/Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm T, xã T (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+/ Ông Nguyễn Cảnh H2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: xóm M, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+/Bà Ngô Thị S, sinh 1971 (Vợ ông H2);

Địa chỉ: xóm M, xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H tại phiên tòa, cũng như nội dung trình bày tại biên bản lấy lời của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ý kiến trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Cảnh H2 và bà Ngô Thị S trong quá trình giải quyết vụ án thì vụ án có nội dung như sau:

Bố mẹ ông Nguyễn Cảnh H là cụ Nguyễn Cảnh P1, sinh năm 1936 (đã chết năm 1997) và cụ Phạm Thị C, sinh năm 1939 (đã chết năm 1983) sinh được 07 người con gồm: bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Cảnh G, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Cảnh H2, ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị L. Bố mẹ đẻ của cụ P1, cụ C đã chết, các cụ không có bố mẹ nuôi, con nuôi. Di sản của cụ P1, cụ C chết để lại là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03 -xã N; Địa chỉ thửa đất tại: xóm B (nay là xóm M), xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An có diện tích là 600 m², trong đó 200m² đất ở và 400m² đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/1995 mang tên ông Nguyễn Cảnh P1.

Sau khi cụ C, cụ P1 chết, thì vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 cùng với chị gái ông H là bà Nguyễn Thị X sử dụng một phần đất do cụ P1, cụ C để lại ở phía Đông của thửa đất và vợ ông Nguyễn Cảnh H2, bà Ngô Thị S sử dụng một phần thửa đất còn lại tại phía Tây của thửa đất do cụ P1, cụ C chết để lại. Vào năm 2003 đo đạc để xác định lại bản đồ chính mới thì tại bản đồ số 08 - xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) được tách thửa đất trên thành hai thửa đất gồm:Thửa đất số 410 có diện tích 206 m² và thửa đất số 411 có diện tích 316m². Thửa đất số 411, tờ bản đồ số 08 tại xóm B (nay là xóm M), N, huyện Y, (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An thì hiện nay vợ chồng ông H, bà H1 cùng chị gái ông H là bà Nguyễn Thị X đang sử dụng phần đất có diện tích 242 m², trên diện tích đất này ông H, bà H1 đã xây dựng 03 gian nhà cấp hướng Nam, cùng các tài sản khác và bà X đã xây dựng 02 gian nhà cấp bốn hướng trên diện tích đất này. Phần diện tích đất 74 m² còn lại là thuộc đất nhà thờ, hiện nay đã được các con của cụ P1, cụ C1 xây dựng (Công sức cơ bản là do ông G xây dựng) một phần 01 ngôi nhà thờ 03 gian hướng N, hệ thống sân, mái tôn trên đó.

Do cụ C, cụ P1 chết không lập di chúc định đoạt quyền sử dụng đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03 xã N, địa chỉ thửa đất tại xóm B (nay là xóm M), xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An nay đã được tách thành 02 thửa đất là thửa số 410 và thửa 411 thuộc tờ bản đồ số 08 -xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) có tổng diện tích của hai thửa cộng lại có diện tích đất là 522 m², trong đó có 200m² đất ở

và 322m² đất trồng cây lâu năm. Sau nhiên lần họp bà chia thừa kế đất do cụ P1 cụ C chết để lại không thành. Để được hưởng thừa kế đất đai ông Nguyễn Cảnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại đang còn thời hiệu giải quyết tranh chấp theo qui định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất diện tích đất là 522 m², trong đó có 200m² đất ở và 322m² đất trồng cây lâu năm là di sản của cụ C và cụ P1 để lại, đồng thời xác định di sản của mỗi cụ để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương ứng 261 m² ($522 \text{ m}^2 : 2 \text{ người} = 261 \text{ m}^2$). Do cụ C chết năm 1983 tính đến lúc ông H khởi kiện đã trên 30 năm, cụ P1 chết năm 1997, tính đến ngày ông H khởi kiện là 28 năm. Do đó nguyên đơn, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất của cụ P1 chết để lại có diện tích là 261m² thuộc thửa đất số 411 thuộc tờ bản đồ số 08 -xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) phần lớn diện tích đất đang do vợ chồng ông H, bà H1, bà X quản lý, sử dụng và một phần diện tích đất nhỏ đã được con cháu của cụ C, cụ P1 xây dựng một phần ngôi nhà thờ trên nhà thờ trên đó (Cơ bản là do bị đơn ông Nguyễn Cảnh G xây dựng). Một nửa ($\frac{1}{2}$) diện tích đất còn lại là 261m² là di sản của cụ C chết để lại thuộc thửa đất số 410 thuộc tờ bản đồ số 08 -xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An có diện tích 206m² hiện nay đang do vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H2, bà Ngô Thị S đang quản lý, sử dụng phần lớn, diện tích đất còn lại hiện đã được con cháu cụ C, cụ P1 xây dựng nhà thờ trên đó (Công sức xây dựng nhà thờ chủ yếu là do bị đơn ông Nguyễn Cảnh G tạo nên ngôi nhà thờ 3 gian hướng nam. Do diện tích đất là di sản mà cụ C chết để lại tính đến nay đã hết thời hiệu chia thừa kế, nên nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất là di sản của cụ C chết để lại.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ diện tích đất của hai thửa đất số 410 và thửa đất số 411 thuộc tờ bản đồ số 08 -xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An thì xác định được: Vợ chồng nguyên đơn ông H, bà H1 và bà X hiện tại chỉ đang quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 242m² đất thuộc thửa đất số 411, phần diện tích đất còn lại là 19 m² thuộc thửa đất 411 là phần đất đã được xây nhà thờ. Do đó nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định phần diện tích đất 242m² thuộc thửa đất số 411 hiện tại do vợ chồng nguyên đơn ông H, bà H1 và bà X đang quản lý, sử dụng là di sản của ông P1 chết để lại, ông H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản sản của cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại đối với phần diện tích đất 242 m² mà hiện nay ông H, bà H1, bà X đang quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, vợ chồng ông H, bà H1 yêu cầu Tòa án trích công sức quản lý, tôn tạo di sản do cụ P1 chết để lại cho vợ chồng ông bà bằng một suất thừa kế được chia. Bà Nguyễn Thị X là người cùng quản lý di sản do cụ P1 chết để lại, do công sức không đáng kể nên bà không yêu cầu trích công sức quản lý di sản do cụ P1 chết để lại.

Tại nội dung biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải bà Nguyễn Thị X còn trình bày: Ngoài các tài sản do vợ chồng ông H xây dựng trên diện tích đất ông H yêu cầu chia thừa kế, còn có 02 gian nhà cấp bốn do bà X xây dựng trên diện tích đất ông H yêu cầu chia thừa kế. Do bà X không có chồng con nên X đồng ý tặng

cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 02 gian nhà cấp 4 hướng Tây do bà X xây dựng và phần di sản mà bà X được hưởng, không yêu cầu vợ chồng ông H, bà H1 phải thanh toán cho bà giá trị bằng tiền đối với các tài sản do bà X tặng cho vợ chồng ông H, bà H1. Nhưng bà X đưa ra điều kiện đối với vợ chồng ông H như sau: Vợ chồng ông H, bà H1 phải để bà X được tiếp tục sinh sống lưu cư trong 02 gian nhà do bà tặng cho vợ chồng ông H cho đến khi bà X qua đời.

Quá trình hòa giải, tại phiên tòa vợ chồng ông H, bà H1 đồng ý nhận 02 gian nhà cấp 4 hướng tây thuộc quyền sở hữu của bà X và nhận phần di sản của bà X được chia từ di sản ông P1 do bà X tặng cho. Vợ chồng ông H, bà H1 cũng thống nhất điều kiện do bà X đưa ra cụ thể: Bà Nguyễn Thị X được lưu cư, sinh sống tại ngôi nhà 02 gian cấp bốn cho đến khi bà X chết. Bà X, vợ chồng ông H, bà H1 thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên vào bản án để làm căn cứ để thi hành.

Tại buổi hòa giải ngày 27/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Cảnh G là ông Nguyễn Cảnh H3 trình bày:

Ông Nguyễn Cảnh H3 công nhận về hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1, cụ C và di sản của cụ C, cụ P1 chết để lại đúng như nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H và nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã khai và trình bày tại phiên hòa giải. Ông H3 cũng thống nhất di sản của cụ P1 chết để lại là phần lớn diện tích đất hiện nay đang do nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông H) và bà Nguyễn Thị X đang quản lý. Diện tích đất cụ P1 chết để lại đang còn thời hiệu, nên ông H3 cũng đề nghị chia diện tích đất do cụ P1 chết để lại theo quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất còn lại phần lớn hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H2, bà Nguyễn Thị S1 đang quản lý, sử dụng và một phần đất nhỏ còn lại hiện nay các con cụ P1, cụ C đã xây dựng nhà thờ trên đó (công sức xây dựng nhà thờ chủ yếu là do bị đơn ông Nguyễn Cảnh G tạo nên). Ông H3 xác định đó là di sản của cụ C chết để đã hết thời hiệu chia thừa kế nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bị đơn ông Nguyễn Cảnh G chỉ ủy quyền cho con trai là ông Cảnh H3 tham gia tố tụng tại tòa án một lần duy nhất tại buổi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 27/5/2025. Những lần báo gọi, triệu tập họp lệ đối với các đương sự trong vụ án để làm việc, nhưng bị đơn ông Nguyễn Cảnh G đều vắng mặt không có lý do, không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Cảnh G.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản trên các thửa đất do cụ P1, cụ C để lại. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thể hiện:

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2025 thể hiện:

***Về đất đai:**

Thửa đất số 410, diện tích 206m² và thửa đất số 411 diện tích 316 m² đều thuộc tờ bản đồ số 08, xã N; Địa chỉ các thửa đất tại xóm M, xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Sau khi tiến hành xem xét thẩm định, kiểm tra đo vẽ thực địa

bằng máy chuyên dụng thì: Tứ cận các cạnh, diện tích của thửa đất số 410 và thửa đất số 411 không có sự thay đổi về tứ cận và diện tích đất của các thửa tại bản đồ địa chính số 08 xã N (nay là xã Q) được đo đạc năm 2003. Tổng diện tích của hai thửa đất cộng lại là 522 m², ít hơn diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Cảnh P1 vào ngày 12/4/1995 (600m² - 522m²) là 78m². Quá trình hòa giải và thẩm định các đương sự và tại Công văn số 08 ngày 04/7/2025 của UBND xã N (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An đều trả lời và xác định lý do diện tích nhỏ hơn là do sai số trong quá trình đo đạc, các hộ sinh sống liên kề không lấn chiếm.

*** Về tài sản gắn liền với đất:**

- Trên thửa đất số 410, tờ bản đồ số 08 xã N; Địa chỉ thửa đất: Xóm M, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) có các tài sản do ông Nguyễn Cảnh H2 và bà Ngô Thị S xây dựng gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn hướng N, lợp ngói tây, xây dựng từ năm 1997, có diện tích 78.1m²; 01 mái tôn tráng kẽm trước nhà hướng N làm từ năm 2012, có diện tích 66.6m²; 01 sân tráng xi măng có tổng diện tích 80.7m²; 01 nhà cấp bốn hai gian hướng Tây, xây dựng từ năm 2010, có diện tích 24.2m²; 01 bể nước có thể tích 12m³; Hệ thống gồm 02 trụ cổng đồ bê tông và 02 cánh cổng làm bằng khung tít hàn thép B40 có chiều cao 1.8m, có chiều rộng 2.7m, có diện tích 4.86m².

** Các tài sản do ông Nguyễn Cảnh G1 con cháu cụ C, cụ P1 xây dựng (Cơ bản là do bị đơn ông Nguyễn Cảnh G xây dựng) gồm: 01 (Một) phần của Nhà thờ xây dựng năm 2005 lợp ngói tây có diện tích 5m² (tổng diện tích của nhà thờ 38.3m²); 01 phần sân trước nhà thờ lát xi măng, làm từ năm 2005, có diện tích 3.9m² (tổng diện tích sân là 24.7m²); 01 phần mái tôn tráng kẽm trên sân, làm từ năm 2005, có diện tích 3.9m² (tổng diện tích mái tôn là 24.7m²)*

- Trên phần lớn thửa đất số 411 diện tích 316m² thuộc tờ bản đồ số 08 xã N; Địa chỉ thửa đất: Xóm M, xã N , huyện Y, tỉnh Nghệ An (xã Q, tỉnh Nghệ) vợ chồng ông H, bà H1, bà X đang trực tiếp sử dụng diện tích đất 242m² ,trên diện tích đất này vợ chồng ông H, bà H1 và bà X đã xây dựng các tài sản cụ thể gồm:

+ Tài sản do bà Nguyễn Thị X xây dựng gồm: 01 (Một) nhà cấp bốn hướng Tây xây năm 2006 có diện tích 26.1m² tại phía Đông của diện tích đất 242m²

+ Tài sản do ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị H1 xây dựng trên diện tích đất 242m² gồm: 01 (Một) nhà cấp bốn hướng Nam ốp trần gỗ lợp ngói tây xây dựng từ năm 2004 có diện tích 52.3m²; Mái tôn tráng kẽm hai lớp trước nhà hướng N làm từ năm 2004, có diện tích 55.3 m²; 01 (Một) sân bê tông tráng xi măng xây dựng từ năm 2004 dưới mái tôn có diện tích 55.3 m²; Hệ thống cổng gồm: 02 trụ cổng có kích thước 0.5m x 0.5m x 3m, chiều dài 2 trụ cổng là 6m; 02 cánh cửa cổng hàn bằng sắt hộp 2cm x 4cm; 10cm x 4cm, có chiều rộng 02 cánh cửa 2.5m, có chiều cao 2.5m có diện tích là 6.25m²; Hàng rào sắt hộp 1cm x 2cm trước sân có chiều dài 5.9m, có chiều cao 2.9m, có diện tích là 17.11m²; 01 (Một) nhà bếp ốp trần gỗ xây dựng từ năm 2007, có diện tích 16.2m²; Công trình phụ gồm nhà vệ sinh và nhà tắm làm từ năm 2002, đồ trần bê tông có diện tích 7.8 m²; 01 (Một) Sân tráng xi măng phía sau nhà hướng N làm từ năm 2000 có diện tích 94.5m²; 01 (Một) mái

tôn phía trên sân trang xi măng sau nhà hướng Nam làm năm 2000 có diện tích 65.4m^2 ; 01 bể nước có thể tích 15 m^3 xây bằng đá từ năm 2000.

+ Tài sản do con cháu cụ P1, cụ C (công sức chủ yếu là do ông Nguyễn Cảnh G bỏ ra) xây dựng gồm: 01 (Một) phần của ngôi Nhà thờ 03 gian hướng Nam xây dựng năm 2005 lợp ngói tây có diện tích tổng diện tích của nhà thờ 38.3m^2 ; 01 phần sân trước nhà thờ lát xi măng, làm từ năm 2005, có diện tích 20.8m^2 (tổng diện tích sân là 24.7m^2); 01 phần mái tôn tráng kẽm phía trên sân, làm từ năm 2005, có diện tích 20.8m^2 (tổng diện tích sân là 24.7m^2); Hệ thống 02 trụ cổng và cửa cổng hàng rào trước sân nhà thờ, làm từ 2005, cửa cổng làm bằng khung sắt tít hàn thép B40.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2025 thể hiện:

- **Về đất đai:** Thửa đất số 76, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 410, 411 tờ bản đồ số 8 xã N) tại địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích 522 m^2 , trong đó 200m^2 đất ở và 322m^2 đất TCLN. Theo giá nhà nước có giá đất ở là $1.000.000$ đồng/ m^2 , đất TCLN có giá là 45.000 đồng/ m^2 . Theo giá Hội đồng định giá thống nhất, đất ở có giá là $3.000.000$ đồng/ m^2 , đất TCLN có giá là $1.500.000$ đồng/ m^2 . Trị giá thành tiền là $3.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 200\text{ m}^2 + 1.500.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 322\text{ m}^2 = 1.083.000.000$ đồng.

- **Về tài sản trên thửa đất:**

+ Tài sản do ông Nguyễn Cảnh H2 và bà Ngô Thị S xây dựng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp bốn hướng Nam, lợp ngói tây, xây dựng từ năm 1997, có xây sửa cải tạo từ năm 2022 có diện tích 78.1m^2 , có giá trị thành tiền sau khấu hao $200.000.000$ đồng.

- 01 mái tôn tráng kẽm trước nhà hướng N làm từ năm 2012, có diện tích 66.6m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $8.000.000$ đồng.

- 01 sân tráng xi măng có tổng diện tích 80.7m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $2.000.000$ đồng.

- 01 nhà cấp bốn hai gian hướng Tây, xây dựng từ năm 2010, có diện tích 24.2m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $35.000.000$ đồng.

- 01 bể nước có thể tích 12m^3 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $2.000.000$ đồng.

- Hệ thống gồm 02 trụ cổng đổ bê tông và 02 cánh cổng làm bằng khung tít hàn thép B40 có chiều cao 1.8m , có chiều rộng 2.7m , có diện tích 4.86m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $3.000.000$ đồng.

+ Tài sản do các con cháu cụ P1, cụ C (cơ bản là công sức ông Nguyễn Cảnh G xây dựng gồm:

- 01 (Một) Nhà thờ xây dựng năm 2005 lợp ngói tây có tổng diện tích của nhà thờ 38.3m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $70.000.000$ đồng.

- 01 sân trước nhà thờ lát xi măng, làm từ năm 2005, có diện tích là 24.7m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $3.000.000$ đồng.

- 01 mái tôn tráng kẽm trên sân, làm từ năm 2005, có tổng diện tích là 24.7m^2 , có trị giá thành tiền sau khấu hao là $4.200.000$ đồng.

- 01 cửa cổng hàn khung thép phi 21, lưới B40, có trị giá thành tiền sau khấu hao là 250.000 đồng.

+ Tài sản do bà Nguyễn Thị X xây dựng trên diện tích đất 242 m² gồm:

- 01 (Một) nhà cấp bốn hướng Tây xây dựng vào năm 2006 tại phía Đông diện tích đất 242m² có diện tích 26.1m², có trị giá còn lại thành tiền là 35.000.000 đồng.

+ Tài sản trên do ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị H1 xây dựng trên diện tích đất 242m² gồm:

- 01 (Một) nhà cấp bốn hướng Nam ốp trần gỗ lợp ngói tây xây dựng từ năm 2004, có cải tạo năm 2022, có diện tích 52.3m², có trị giá còn lại thành tiền là 350.000.000 đồng.

- Mái tôn tráng kẽm hai lớp trước nhà hướng N làm từ năm 2004, có diện tích 55.3 m², có trị giá còn lại thành tiền sau khấu hao là 18.120.000 đồng.

- 01 (Một) sân bê tông tráng xi măng xây dựng từ năm 2004 dưới mái tôn có diện tích 55.3 m², có trị giá còn lại thành tiền là 4.000.000 đồng.

- Hệ thống cổng làm từ năm 2022 gồm: 02 trụ cổng có kích thước 0.5m x 0.5m x 3m, chiều dài 2 trụ cổng là 6m; 02 cánh cửa cổng hàn bằng sắt hộp 2cm x 4cm, 10cm x 4cm, có chiều rộng 02 cánh cửa 2.5m, có chiều cao 2.5m, diện tích là 6.25m², có trị giá còn lại thành tiền sau khấu hao là 14.000.000 đồng.

- Hàng rào sắt hộp 1cm x 2cm trước sân làm từ năm 2022, có chiều dài 5.9m, có chiều cao 2.9m, có diện tích 17.11m², có trị giá còn lại thành tiền sau khấu hao là 5.000.000 đồng.

- 01 (Một) nhà bếp ốp trần gỗ xây dựng từ năm 2007, có diện tích 16.2m², có trị giá còn lại sau khấu hao là 20.000.000 đồng.

- Công trình phụ gồm nhà vệ sinh và nhà tắm làm từ năm 2002, đồ trần có diện tích 7.8 m², có trị giá còn lại sau khấu hao là 7.000.000 đồng.

- 01 (Một) Sân tráng xi măng phía sau nhà hướng N làm từ năm 2000 có diện tích 94.5m², có trị giá còn lại sau khấu hao là 4.500.000 đồng.

- 01 (Một) mái tôn phía trên sân tráng xi măng phía sau nhà hướng Nam có diện tích 65.4m², có trị giá còn lại sau khấu hao là 4.900.000 đồng.

- 01 bể nước có thể tích 15 m³ xây bằng đá từ năm 2000, có trị giá sử dụng còn lại sau khấu hao là 2.000.000 đồng.

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên - đại diện của Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân Khu vực 6- Nghệ An đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều 171, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

sửa đổi bổ sung năm 2025. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với các đương sự: Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn ông Nguyễn Cảnh G chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 thể hiện ở việc vắng mặt không có lý do tại các buổi tòa án triệu tập làm việc tiếp theo và cả 2 lần tòa án mở phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Cảnh P1 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 gồm 07 người con. Trích công sức trông coi, duy trì, tôn tạo, bảo quản di sản của cụ P1 cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 tương ứng với 01 suất thừa kế mà các đồng thừa kế được hưởng. Công nhận sự tặng cho phân di sản thừa kế được chia và tặng cho tài sản thuộc quyền sở hữu của bà X là 02 gian nhà cấp bốn giữa bà Nguyễn Thị X với vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị X và vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 như sau: Bà Nguyễn Thị X được quyền sinh sống lưu cư trên ngôi nhà 02 gian thuộc quyền sở hữu của bà X tặng cho ông H, bà H1 cho đến lúc qua đời.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu yêu cầu giải quyết và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất là bất động sản do cụ Nguyễn Cảnh P1 chết năm 1997 để ông H chết để lại có tại xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Kể từ khi cụ pháp chết đến lúc ông H khởi kiện thì chưa được 30 năm, thời hiệu yêu cầu phân chia thừa kế quyền sử dụng đất do cụ P1 chết đang còn, vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng đất là di sản do cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại là đúng pháp luật.

Bị đơn có nơi cư trú tại xóm P, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm P, xã Q, tỉnh Nghệ An). Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết thuộc thẩm quyền của TAND khu vực. Do đó Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 5

Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Trước lúc ban hành đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã tiến hành những hoạt động tố tụng theo đúng trình tự quy định của pháp luật, kết quả hòa giải không thành. Những lần báo gọi tiếp theo bị đơn không không hợp tác, cố ý vắng mặt trong những lần yêu cầu đến tòa án để giải quyết tranh chấp, nên phải tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị D có mặt, bị đơn ông Nguyễn Cảnh G vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án.

Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị D có mặt, bị đơn ông Nguyễn Cảnh G tiếp tục vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận thống nhất của các đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do tòa án thu thập thấy rằng:

Cụ Nguyễn Cảnh P1, chết năm 1997 và cụ Phạm Thị C chết năm 1983 là vợ chồng hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân các cụ đã sinh được 07 (bảy) người con gồm: bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Cảnh G, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Cảnh H2, ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị L, hiện nay bố mẹ của các cụ đã chết, các cụ không có con nuôi, bố mẹ nuôi. Quá trình hôn nhân cụ P1 và cụ C đã tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 76 - tờ bản đồ số 03 - xã N; Diện tích: 600m², trong đó đất ở 200m², đất vườn 400m² tại xóm B (nay là xóm M), xã N, huyện Y, nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Do cụ C chết trước cụ P1, lúc còn sống cụ P1 đã kê khai thửa đất trên để cấp quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 12/4/1995 thì UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Nguyễn Cảnh P1 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 3 - xã N: Địa chỉ thửa đất: xóm B (nay là xóm M), xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An, diện tích thửa đất là 600 m², trong đó: diện tích đất ở 200m², đất vườn là 400m².

Năm 1997 thì cụ P1 chết (không để lại di chúc) thì thửa đất của cụ P1, cụ C chết để lại được vợ chồng ông H, bà H1, bà X (chị gái ông H) và vợ chồng ông H2, bà S mỗi bên đang quản lý, sử dụng một phần đất. Vào năm 2003, nhà nước đo đạc

để xác định lại bản đồ địa chính mới, quá trình đo đạc thấy vợ chồng ông H và vợ chồng ông H2 mỗi cặp vợ chồng đang sử dụng một phần của diện tích do cụ P1, cụ C chết để lại. Do đó thửa đất do cụ P1, cụ C được tách thành hai thửa gồm thửa đất số 410, có diện tích đất 206m² do vợ chồng ông H2, bà S quản lý và đã xây dựng nhà cửa kiên cố trên phần lớn thửa đất và thửa số 411, có diện tích đất 316m² do vợ chồng ông H, bà H1 và bà X chị gái ông H đang quản lý sử dụng, vợ chồng ông H, bà X đã xây dựng nhà cửa, các tài sản khác có trên phần lớn của thửa đất số 411.

Tổng diện tích đất của hai thửa đất 410 và 411 thuộc tờ bản đồ số 08- xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An thửa đất được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn C2 Pháp ngày 12/4/1995 có diện tích đất 600 m². Diện tích của hai thửa đất nêu trên cộng lại giảm 78 m² so với thửa đất được cấp tại giấy chứng nhận QDS đất mang tên cụ Nguyễn Cảnh P1. Các đương sự và chính quyền địa phương đều xác định diện tích đất bị giảm so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ P1 ngày 12/4/1995 là do sai số về đo đạc, các hộ gia đình sinh sống liền kề không có lấn chiếm.

Sau nhiều lần họp bàn giữa những con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1, cụ C về việc phân chia quyền sử dụng đất do cụ P1, cụ C chết để lại không thành. Để đảm bảo quyền lợi cho mình và các đồng thừa kế, ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản là quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại và xác định diện tích đất cụ P1 chết để lại là một nửa của tổng diện tích đất của thửa đất 410 có diện tích 206 m² và thửa đất 411 có diện tích 316 m² cộng lại có diện tích là 522m² được chia đôi 2 phần. Diện tích cụ P1 chết để lại là 261m². Hiện vợ chồng ông H, bà X đang quản lý sử dụng 242m², diện tích còn lại 19m² đã làm một phần ngôi nhà thờ 03 gian trên hướng nam trên diện tích này, phần đất trống nhỏ còn lại ở sau nhà thờ. Do đó nguyên đơn, các đồng thừa kế đều thống nhất chia thừa kế diện tích đất 242m², trong đó 100m² đất ở, 142 m² đất trồng cây lâu năm là di sản của cụ P1 chết để lại đang còn thời hiệu phân chia di sản thừa kế là phù hợp với đạo đức, xã hội và pháp luật nên cần chấp nhận để xem xét phân chia.

Lẽ ra chia diện tích đất trên cho 07 (bảy) người con của cụ P1, mỗi người được hưởng một suất (phần) thừa kế bằng nhau. Tuy nhiên, sau khi cụ P1 chết thì vợ chồng ông H, bà H1, bà X đang quản lý di sản là quyền sử dụng đất do cụ P1 chết để lại với diện tích 242m². Do đó, vợ chồng ông H đề nghị trích công sức trông coi, quản lý, tôn tạo di sản do cụ P1 chết cho họ bằng một suất mà hàng thừa kế được hưởng là có căn cứ. Bà X xác định công sức quản lý đất không đáng kể, nêu không yêu cầu trích công sức nên miễn xét. Do đó, cần chia diện tích đất 242m² do cụ P1 chết để lại thành 08 (tám) phần, trong đó chia cho 07 (bảy) người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1, mỗi người được hưởng một suất thừa kế có diện tích đất là 30,25 m², trong đó có 12,5 m² đất ở và 17,75 m² đất vườn và trích công sức cho vợ chồng ông H, bà H1 01 suất thừa kế tương ứng là: 30,25 m² đất trong đó có 12,5 m² đất ở và 17,75 m² đất vườn.

Do diện tích đất sau khi tính toán để phân chia quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế quá nhỏ, không có người nào trong hàng thừa kế đề nghị giao hợp chung phần thừa kế với nhau để cấp quyền đồng sử dụng đất, nên không đủ điều

kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của cụ P1 theo qui định. Hơn nữa quá trình quản lý sử dụng diện tích đất do cụ P1 chết để lại thì vợ chồng ông H, bà H1, bà X đã xây dựng các tài sản có giá trị kiên cố trên phần lớn diện tích đất 242 m² do cụ P1 chết để lại mà các con của cụ P1 không có ý kiến tranh chấp gì. Để đảm bảo quyền lợi của vợ chồng ông H, bà H1, bà X và theo nguyện vọng đề nghị của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thấy rằng: Không chia đất cho đồng thừa kế được quyền sử dụng, mà cần giao lại toàn bộ diện tích đất 242m², trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 142m² cho vợ chồng ông H, bà H1 được quyền sử dụng, trong đó 05 phần đất của hàng thừa thừa kế được hưởng, 01 phần đất ông H được chia thừa kế, 01 phần đất trích công sức cho vợ chồng ông H, bà H1 và 01 phần đất do bà Nguyễn Thị X tặng cho vợ chồng ông H, bà H1 sử dụng có giá trị: Đất ở 100m² x 3.000.000 đồng/m² = 300.000.000đ, đất trồng cây lâu năm 142m² x 1.500.000 đ = 213.000.000, tổng cộng giá trị đất tương ứng bằng tiền là 513.000.000 đ (Năm trăm mười ba triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Cảnh H phải có nghĩa thanh toán cho bà D, bà P, ông G, ông H2 và bà L giá trị bằng tiền tương ứng với một suất thừa kế mà mỗi người được hưởng là: 64.125.000 đ (Sau mười tư triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tương đương với 30,25 m² diện tích đất được chia (trong đó gồm: 12,5 m² đất ở x 3.000.000 đ/m² = 37.500.000 đồng và đất trồng cây lâu năm là 17,75 m² x 1.500.000 đ/m² = 26.625.000 đồng).

[2.2] Quá trình hòa giải giữa bà Nguyễn Thị X (không có chồng con) và vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 đã cùng nhau sinh sống trên diện tích đất 242m² đã thống nhất thỏa thuận với nhau việc tặng cho phần đất bà X được chia thừa kế và 02 gian cấp bốn nhà hướng tây thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Thị X xây dựng trên đất cho ông H, bà H1 sử dụng, sở hữu với điều kiện: Vợ chồng ông H, bà H1 phải để cho bà Nguyễn Thị X được sống lưu cư tại ngôi nhà 02 gian do bà xây dựng cho đến lúc chết. Vợ chồng ông H, bà H1 thống nhất điều kiện do bà X đưa ra. Do đó ông H, bà H1 và bà X yêu cầu Tòa tuyên cho bà Nguyễn Thị X được sinh sống lưu cư tại ngôi 02 gian cấp bốn nhà hướng tây là tài sản của bà Nguyễn Thị X xây dựng tặng cho vợ chồng ông H, bà H1 cho đến lúc qua đời là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận tuyên trong bản án làm căn cứ pháp luật thi hành.

[2.3] Đối với ½ diện tích đất còn lại có diện tích là 261 m² là di sản của cụ C chết năm 1983 đã hết thời hiệu, một phần lớn đang do vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H2, bà Ngô Thị S quản lý, một phần đã xây dựng ngôi nhà thờ và 19m² diện tích đất trong diện tích đất do cụ P1 chết để lại hiện đang tọa lạc một phần ngôi nhà thờ 03 gia hướng Nam do con cháu cụ C, cụ P1 xây dựng trên đó trên đó (Công sức xây dựng cơ bản ngôi nhà thờ là do ông Nguyễn Cảnh G bỏ ra). Do các đương sự không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với di sản của cụ C chết để lại và diện tích đất còn lại, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Xử lý tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Cảnh H đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản với số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng). Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và

định giá đã chi phí hết số tiền trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do số tiền này ông H đã nộp trong quá trình xem xét thẩm định, sau khi trừ đi phần chi phí thẩm định định giá mà ông H phải chịu và phần bà X tặng cho ông H (ông H chịu phần chi phí thẩm định định giá của bà X), số tiền còn lại buộc bà D, bà P, ông G, ông H2 và bà L mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lại cho ông Nguyễn Cảnh H với số tiền 1.250.000 đồng/ người.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc: Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, bị đơn ông Nguyễn Cảnh G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Cảnh H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỷ phần thừa kế mà mỗi người được hưởng theo quy định của pháp luật, trong đó, ông Nguyễn Cảnh H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí đối với các phần di sản mà vợ chồng ông được hưởng và được bà X tặng cho .

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P đã trên 60 tuổi là người cao tuổi, các bà đã có đơn xin miễn án phí. Do đó, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D và bà P.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự ; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H đối với bị đơn ông Nguyễn Cảnh G.

-Giao cho ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất 242 m² là di sản của cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại thuộc phần lớn thửa đất số 411 tờ bản đồ số 08 xã N (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An) được tách từ thửa đất số 76 tờ bản đồ số 03, xã N; Địa chỉ thửa đất tại xóm M, xã N, huyện Y (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn C2 Pháp theo quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08/1995/QSDĐ ngày 12/4/1995(trong 242 m² đất giao cho ông H, bà H1 thì bao gồm cả đất ông H được chia thừa kế và đất ông H, bà H1 được trích công sức, đất

được bà X tặng cho chung vợ chồng ông H, bà H1), các điểm của diện tích đất 242m² một phần lớn thửa đất số 411 tờ bản đồ số 08 xã N ; Địa chỉ: xóm M, xã N, tỉnh Nghệ An (nay là xóm M, xã Q, tỉnh Nghệ An) có các điểm như sau: Từ điểm 1, 2, 4, 5 , 6, 7, 8, 9 về điểm 1.

(Việc giao diện tích đất do cụ Nguyễn Cảnh P1 chết để lại cho ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 sử dụng thể hiện tại sơ đồ kèm theo)

Buộc: Ông Nguyễn Cảnh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Cảnh G, ông Nguyễn Cảnh H2 và bà Nguyễn Thị L giá trị đất 30,25 m², trong đó đất ở 12,5 m² đất ở và 17,75 m² của mỗi suất thừa kế tương ứng với giá trị bằng tiền là 64.125.000 đ/người (Bằng chữ: Sáu mươi tư triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Công nhận việc tặng cho phần thừa kế, tặng cho tài sản và quyền được lưu cư sinh sống trên ngôi nhà do bà Nguyễn Thị X xây dựng trên diện tích đất 242m² giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị H1 giữa bà Nguyễn Thị X với vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 Cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị X đồng ý tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 diện tích đất được hưởng thừa kế có diện tích đất là 30,25 m² diện tích đất được chia có giá trị: Đất ở 12,5 m² đất ở x 3.000.000 đ = 37.500.000đ và đất trồng cây lâu năm 17,75 m² x 1.500.000 đ = 26.625.000 đ tương ứng với giá trị bằng tiền là 64.125.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng) và ngôi nhà 02 cấp bốn hướng tây do bà X xây dựng diện tích đất ông H, bà H1 được giao.

Bà Nguyễn Thị X được quyền sinh sống lưu cư tại ngôi nhà cấp bốn 02 gian hướng tây do bà X xây dựng đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 có diện tích sử dụng là 26.1m², có trị giá trị là 35.000.000 đồng cho đến lúc bà Nguyễn Thị X qua đời.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Cảnh G, ông Nguyễn Cảnh H2, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Cảnh G, ông Nguyễn Cảnh H2, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền chi phí thẩm định định giá tài sản với số tiền 1.250.000 đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí:

-Buộc ông Nguyễn Cảnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thừa kế mà mình được hưởng, được trích công sức và phần thừa kế đất đai được bà Nguyễn Thị X tặng cho với số tiền án phí phải chịu là 9.618.000 đ (Chín triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) (ông H tự nguyện chịu toàn bộ án phí đối với phần diện tích đất mà bà X tặng cho chung vợ chồng). Án phí ông Nguyễn Cảnh H phải nộp được tính trừ trong số tiền 2.100.000 đ (hai triệu , một trăm nghìn đồng) tạm ứng án đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006681 ngày 07/5/2025. Ông

Nguyễn Cảnh H còn phải nộp án phí dân sự là 7.518.000 đ (Bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng)

Buộc ông Nguyễn Cảnh G, ông Nguyễn Cảnh H2, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 3.206.000 đ (Ba triệu, hai trăm linh sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị P là đối tượng người cao tuổi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do hoặc không có lý do có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 6, tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Tổ THADS Khu vực 6;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA;
- TAND tỉnh Nghệ An.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Anh Ngọc